VẤN ĐỀ TIẾNG NÓI VÀ CHỮ VIẾT CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM TRONG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU – ĐÀO TẠO NHÂN HỌC HIỆN NAY

(*Nghiên cứu trường hợp tư liệu thư tịch cổ của người Chăm)*

Thành Phần

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: *Người Chăm ở Việt Nam có chữ viết rất lâu đời. Dựa vào hệ thống chữ Phạn và Ả Rập họ đã sáng tạo ra nhiều chữ viết khác nhau để ghi chép lại những vấn đề liên quan đến lịch sử, văn hóa, tôn giáo, phong tục, tập quán.. của họ. Chính vì vậy, vào những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, các nhà khoa học nước ngoài khi nghiên cứu về lịch sử và nền văn minh Chăm thường quan tâm đến việc đọc và khai thác thư tịch cổ Chăm. Tuy nhiên ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt là ngành Nhân học – Dân tộc học hầu như không ai quan tâm đến vấn đề này. Đây là một rào cản rất lớn đối những nhà Nhân học – Dân tộc học Việt Nam khi muốn nghiên cứu một cách có khoa học và chuyên sâu về văn hóa Chăm. Vì vậy trong nội dung bài này chúng tôi trình bày về thực trạng việc khai thác thư tịch cổ Chăm ở Việt Nam, đồng thời đưa ra những giải pháp mới cho việc đào tạo ngôn ngữ Chăm nói riêng và ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số khác nói chung nhằm phục vụ tốt hơn cho việc đào tạo và nghiên cứu trong ngành Nhân học ở Việt Nam hiện nay.*

Từ khóa: *đào tạo, ngôn ngữ, dân tộc, thiểu số, nhân học***.**

Người Chăm là một dân tộc có nền văn hóa đặc sắc, phong phú, đa dạng và có một văn minh phát triển rực rỡ trong khu vực Đông Nam Á. Bằng chứng ngày nay vẫn còn lưu lại các công trình kiến trúc, điêu khắc, điệu múa, âm nhạc và đặc biệt là các văn tự ghi chép các giá trị lịch sử, văn hóa, văn minh của dân tộc Chăm và Champa. Đây là những tư liệu chứa đựng nhiều nội dung phong phú và đa dạng có thể cung cấp nhiều thông tin quí giá liên quan đến nguồn gốc lịch sử và các các lĩnh vực sinh hoạt văn hóa của tộc người Chăm.

1. Tình hình nghiên cứu tiếng nói, chữ viết và thư tịch Chăm

Khi đề cập đến văn hóa và nguồn gốc hình thành tộc người Chăm, những nhà nghiên cứu thường quan tâm đến cư dân Champa cổ cùng với nền văn minh chữ viết của họ. Trong suốt thời gian tồn tại của mình, từ đầu công nguyên đến nay, tộc người Chăm đã được các thư tịch cổ Trung Quốc (Tân Đường Thư, Thuỷ kinh chú…) và các bộ sử của Việt Nam (Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Nam nhất thống chí…) ghi chép lại với danh nghĩa như là một trong những cư dân Champa cổ xưa. Đến giữa thế kỷ XIX, vào năm 1852 [6], tộc người Chăm và nền văn hoá của họ bắt đầu trở thành đối tượng nghiên cứu thực sự của các nhà khoa học. Đặc biệt các nhà khoa học người Pháp, trước hết là Trường

Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO), công bố một số bài viết về văn tự và các phương ngữ Chăm có thể được xem như là công trình đầu tiên nghiên cứu về tộc người Chăm. Sau đó, E. Aymonier công bố liên tục một số công trình nghiên cứu về tiếng nói và chữ viết Chăm như bài nghiên cứu về "Ngữ pháp tiếng Chăm" trong Excursions et Reconnaissanes XIV – 32 (1889), "Truyền thuyết về người Chăm" trong Excursions et Reconnaissanes XIV – 33 (1990), "Bước đầu tìm hiểu về văn khắc Chăm" trong Journal Asiatique XVII - 1 (1891), thông báo về những phát hiện văn khắc của M. C. Paris (1898), thông báo về một bản văn khắc Chăm được P. Durand phát hiện cạnh làng Kon Tra (1899). Sang đầu thế kỷ XX, việc nghiên cứu về lịch sử văn minh và văn hoá Champa mới được các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều hơn, đặc biệt là việc sưu tầm văn bản cổ của người Chăm. Năm 1901, L. Finot xuất bản danh mục các kiến trúc Champa và nghiên cứu về các tôn giáo của nước Champa cổ. Năm 1906, A. Cabaton và E. Aymonier hoàn thành và cho xuất bản cuốn từ điển Pháp – Chăm, một công trình cơ bản về tiếng nói và chữ viết Chăm và công bố văn bản khắc của người Chăm về Po Sah năm 1911. Trong khoảng thời gian này, căn cứ trên các nguồn tư liệu Chăm và Trung Quốc, G. Maspero cho ra đời cuốn sách Vương quốc Champa (1928), Nhưng từ sau những năm 30 của thế kỷ XX, người ta không còn tập trung nghiên cứu và sưu tầm như trước nữa. Có thể nói, trong khoảng thời gian gần nữa thế kỷ, việc nghiên cứu và sưu tầm tiếng nói và chữ viết Chăm không còn tiếp tục và gần như bị lãng quên. Hầu như họ từ bỏ hẳn trong một thời gian khá dài, cho mãi đến khoảng 50 năm sau thì mới lập lại danh mục những văn bản viết tay bằng chữ Chăm hiện có ở Pháp [18] và bắt đầu kiểm tra lại tư liệu Chăm (như những chỉ dụ của vua, các văn bản hành chính, các chứng cứ pháp lý cùng với các văn bản khác của Hoàng gia Chăm về lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội của người Chăm lúc bấy giờ) có trong kho lưu trữ của Thư viện Hội Châu Á [32].

Mãi đến năm 1969, Trung tâm Lịch sử và Văn minh Bán đảo Đông dương thuộc bộ phận IV: Lịch sử học và văn bản học của Trường Cao Đẳng Thực Hành (Đại Học Sorbonne mới bắt đầu mang lại sức sống mới cho việc nghiên cứu về Chăm. Trước tiên, người ta tổng kết lại các công trình nghiên cứu đã đạt được và những tư liệu hiện có hầu có thể sử dụng cho việc nghiên cứu về sau.

Đến năm 1987, để khai thác những nguồn tư liệu đang lưu trữ trong các thư viện Pháp, Bảo tàng Quốc gia Mã Lai và Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp đã thiết lập chương trình hợp tác dịch thuật văn bản thư tịch viết bằng chữ Chăm. Từ đó đến nay, chương trình này đã khai thác và xuất bản một số công trình dịch thuật do Po Dharma, G. Moussay, Abdul Karim, Dương Tấn Thi công bố như: Akayet Inra Patra (Kuala Lumpur, 1997, 189 trang), Akayet Dowa Mano (Kuala Lumpur, 1998, 253 trang), Akayet Nai Mai Mang Makah (Kuala Lumpur, 2000, 162 trang), Quatre lexiques malais-cam anciens (EFEO, Paris, 1999, 397

trang), Peribahasa Cam Dictons & Proverbes Cam (Kuala Lumpur, 2002, 174 trang)

Bên cạnh đó, Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Chàm tại Phan Rang (thành phố Phan Rang – Tháp Chàm) cũng hoạt động khá mạnh mẽ và đã xuất bản một quyển tự điển Chàm – Pháp - Việt vào năm 1971. Nhưng đến sau những năm thống nhất đất nước (1975), Trung Tâm này tạm ngưng hoạt động một thời gian ngắn (khoảng 2 năm), sau đó mới tiếp tục hoạt động trở lại nhưng chủ yếu chỉ quan tâm đến các hoạt động nghệ thuật văn hoá dân gian nhiều hơn là tập trung vào nghiên cứu. Do đó, ít chú trọng đến việc sưu tầm, bảo tồn các thư tịch cổ và tư liệu văn bản bằng tiếng Chăm đang lưu giữ trong các gia đình của người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận hiện nay.

Từ sau những năm 1990, dưới sự tài trợ của Toyota Foundation, Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn - Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh (Trường ĐHKH & NV TP.HCM) đã xuất bản Tự điển Chăm – Việt và Việt Chăm. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, Trường ĐHKH & NV TP.HCM tiếp tục tiến hành nghiên cứu sưu tầm các tư liệu bằng văn bản của người Chăm do Toyota Foundation tài trợ. Chương trình này đã được thực hiện từ tháng 12/1998 đến tháng 12/2002 và đã công bố một số nội dung danh mục văn bản thư tịch Chăm qua quyển sách với tựa đề "Danh mục thư tịch Chăm ở Việt Nam" [29]. Đây là quyển sách đầu tiên giới thiệu về một số danh mục trong các tư liệu văn bản bằng tiếng Chăm đã được sưu tầm ở Việt Nam. Ngoài các công trình nghiên cứu nói trên, còn có một số công trình nghiên cứu về tiếng nói và chữ viết Chăm như "Ngữ pháp tiếng Chăm" của Bùi Khánh Thế [40], Grammaire de la langue Cam của Gérard Mousay [21] và các chuyên khảo khác [28].

2. Đặc điểm tiếng nói và chữ viết Chăm

Ngày nay, người Chăm là một trong 54 dân tộc anh em đang sinh sống tại Việt Nam, có dân số khoảng chừng 145.235 người[1]. Tiếng nói của họ gần với tiếng các dân tộc Raglai, Churu, Jarai và Ê-đê, thuộc nhóm ngôn ngữ Mã lai – Đa đảo (Malayo – Polynesian), hệ ngôn ngữ Nam Đảo (Austranesian). Do quá trình biến động của lịch sử, cộng đồng người Chăm ngày nay chỉ còn thu hẹp ở vùng Nam Trung bộ Việt Nam, tập trung chủ yếu ở khu vực thuộc tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Một số ít tập trung ở khu vực thuộc tỉnh Bình Định, Phú Yên và một bộ phận còn lại sinh sống rãi rác ở các nơi thuộc các tỉnh An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Phước và thành phố Hồ Chí Minh .

Chính do sự xáo trộn của các giai đoạn lịch sử đã làm cho địa bàn cư trú của cộng đồng người Chăm phân bố cách biệt nhau về điều kiện địa lý và môi trường xã hội, cho nên đặc điểm lịch sử và văn hóa các nhóm cộng đồng tộc người Chăm ngày nay không được đồng nhất mà mang tính đặc thù cho từng khu vực địa phương khác nhau. Đặc biệt là ngôn ngữ nói đang có khuynh hướng biến đổi theo xu thế địa phương hóa. Điều này đã dẫn đến sự phân hóa thành ba phương ngữ khác nhau: phương ngữ cộng đồng người Chăm Hroi (tiêu biểu cho

[1] Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009

người Chăm ở Bình Định, Phú Yên); phương ngữ cộng đồng người Chăm Klak[2] (tiêu biểu cho người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận); phương ngữ cộng đồng người Chăm Birau (tiêu biểu cho người Chăm ở An Giang, Tây Ninh, Tp. Hồ Chí Minh). Sự khác biệt chủ yếu của ba phương ngữ này là cơ cấu ngữ âm (như cách phát âm, giọng nói) và du nhập một số từ vựng của các tộc người xung quanh.

Trong suốt quá trình phát triển lịch sử tộc người của mình, chữ viết của tộc người Chăm cũng đã trải qua bao thăng trầm của lịch sử. Lúc đầu tộc người Chăm vay mượn văn tự Ấn Độ cổ (chữ Sanskrit) để ghi chép và giao dịch hàng ngày. Dần dần hệ thống chữ viết này được sáng tạo ngày càng hoàn thiện hơn nhằm để phục vụ nhu cầu giáo dục và truyền dạy kiến thức và văn hóa cho thế hệ sau.

Mặc dù trãi qua nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử, nhưng cho đến nay người Chăm vẫn còn lưu giữ và tìm cách bảo quản các văn bản ghi chép bằng văn tự có nguồn gốc từ Sanskrit và Arabic như là một di sản văn hóa được cha ông truyền lại từ bao đời nay.

Về văn tự Chăm có nguồn gốc từ sanskrit, từ văn tự cổ xưa nhất cho đến văn tự hiện nay đang được sử dụng phổ biến ở trong mọi từng lớp của người Chăm, theo chúng tôi có thể chia ra là ba thời kỳ chính: (1) Văn tự thuộc thời kỳ cổ đại, (2) Văn tự thuộc thời kỳ trung đại, (3) Văn tự thuộc thời kỳ hiện đại.

* Văn tự thuộc thời kỳ cổ đại là loại chữ thường được viết trên các bia đá. Trong số đó, có văn tự viết trên bia đá tìm thấy ở Võ Cạnh, Khánh Vinh, thuộc tỉnh Khánh Hòa được đánh giá là cổ xưa nhất. Theo đoán định của G. Maspéro [20] căn cứ vào tự dạng, văn tự này có thể sớm hơn thế kỷ thứ III sau công nguyên. Theo Bergaine, có thể đây là tấm bia cổ nhất bằng chữ Phạn được tìm thấy lần đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Bởi vì, trong tấm bia này đa phần viết bằng văn tự rất cổ, so sánh ngang hàng với tấm bia nổi tiếng của Rudradanan ở Girnar, Ấn Độ [20, tr.45].

* Văn tự thuộc thời kỳ trung đại là loại chữ chủ yếu viết trên lá buông hay trên giấy. Loại chữ viết này thường viết theo ba phong cách khác nhau. Mỗi loại đều có tên gọi riêng như *akhar rik, akhar yok, akhar tuer.*

Akhar rik là chữ viết theo nghi thức tôn giáo được các giới tăng lữ và tu sĩ dùng để viết bùa chú và phiên một số từ trong các văn bản viết tay. Nó được xem như là một loại chữ viết "thiêng liêng, tôn nghiêm" [1]. Đây là một loại chữ mang nhiều dấu ấn gạch nối giữa văn tự cổ đại khắc trên đá với văn tự hiện đại viết trên giấy mà người Chăm đang sử dụng như hiện nay. Ngày nay, loại chữ này ít người biết đọc, chủ yếu các vị tăng lữ và các vị tu sĩ lớn tuổi có thể biết đọc, biết viết. Ví dụ như Gru Độ [3], 82 tuổi (Palei Panat, thôn Bình Thắng, xã Phan

[2] Cộng đồng người Chăm Klak hiện nay bao gồm ba nhóm cộng đồng địa phương chịu ảnh hưởng tín ngưỡng tôn giáo khác nhau: 1) Chăm Ahiér (cộng đồng người Chăm theo tín ngưỡng dân gian, ảnh hưởng tôn giáo Bà la môn; thiết lập hệ thống chức sắc Pasaih để thực hiện các nghi thức và lễ nghi liên quan đến Yang - Vị thần). 2) Chăm Awal (cộng đồng người Chăm theo tín ngưỡng dân gian, ảnh hưởng Hồi giáo Sufi; thiết lập hệ thống chức sắc Acar để thực hiện các nghi thức và lễ nghi liên quan đến Awluah - Thượng đế); Chăm Jawa (cộng đồng người Chăm Awal rời bỏ tín ngưỡng dân gian theo Hồi giáo Suni; không chịu ảnh hưởng bởi Hồi giáo Sufi và Bà la môn giáo).

[3] Gru Độ là vị chức sắc Awal (Bà ni), giữ chức vụ Gru Adam (họ tên trong khai sinh là Văn Lương Độ, sinh năm 1929).

Hòa, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận); Imam Ngói [4], 70 tuổi (Palei Aia Mâng Mih, thôn Bình Minh, xã Phan Hòa, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận).

Akhar yok là một loại chữ "bí ẩn, thần bí" [1, tr.11], theo cách giải thích của Aymonier. Thực ra, đây là một dạng văn tự dùng các mẫu tự phụ âm và các mẫu tự nguyên âm liên kết với nhau gần giống như cấu trúc văn tự Latinh. Có nghĩa là chỉ có *ina akhar* (con chữ, chữ cái), không có *takai akhar* (dấu chữ). Do đó, A. Cabaton gọi *akhar yok* là "chữ viết che dấu" [1, tr, 94]. Ý nghĩa của từ "yok" là phía dưới, chữ này đứng sau chữ kia theo thứ tự đánh vần, do đó, khác nhiều với cách ráp vần và đánh vần của *akhar thrah.* Ví dụ: **ni** = n + i + m; **rimaong** = r + i + é + m + a + ng; **inagirai =** i + n + g + i + ai + r.

Akhar tuer, A. Aymonier gọi là "chữ treo, viết theo ký hiệu chữ đầu". Đây là loại văn tự viết gần giống như văn tự cổ đại nhưng có khuynh hướng viết tắt đối với một số từ. Vì vậy, A. Cabaton gọi *akhar tuer* là "chữ tắt theo lối treo" [1, tr. 94]. Ví dụ thay vì viết *"kubao"* thì lại viết tắt thành *"kuw"*, hoặc thay vì viết *pabaiy* thì lại viết *pabaing.*

* Loại văn tự thuộc thời kỳ hiện đại là loại chữ thông dụng được người Chăm sử dụng phổ biến để ghi chép các văn bản hành chính, các chứng từ pháp lý, các chỉ dụ của vua, các văn thơ, lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục, tập quán v… v…

Ngày nay, văn tự này được gọi là *akhar thrah.* Có thể nói, trong các loại văn tự vừa nêu trên, chỉ có *akhar thrah* là loại văn tự còn được sử dụng một cách phổ biến ở trong mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi của người Chăm, từ các giới tăng lữ, tu sĩ, chức sắc, bô lão cho đến các giới nhân sĩ trí thức (bao gồm các trí thức Chăm có học vị khoa học hiện nay), sinh viên và nông dân Chăm[5]. Do đó, các tư liệu văn bản hiện nay đang còn lưu giữ trong các gia đình của người Chăm ở Việt nam đa phần là *akhar thrah* [29]. Ngoài ra, chúng ta có thể tìm thấy văn bản này ở một số thư viện ở Việt Nam, Mã Lai, Pháp và Mỹ.

Về văn tự Chăm có nguồn gốc từ Arabic, chủ yếu được sử dụng bởi cộng đồng người Chăm Awal[6] và người Chăm Birau[7]. Đối với cộng đồng người Chăm Awal, văn tự có nguồn gốc từ Arabic chủ yếu sử dụng cho việc ghi chép kinh Koran (Qur'an) và viết thần chú hoặc bùa chú dùng trong các lễ nghi liên quan tẩy uế và đuổi tà ma. Đối với cộng đồng người Chăm Birau, họ dùng văn tự này để ghi những lời chú giải về Kinh Coran và ghi chép các điều hướng dẫn để thực hiện các nghi lễ tôn giáo. Ngày nay, người Chăm Awal gọi loại chữ viết này là Akhar Bini, còn người Chăm Birau gọi là Huruh Jawi. Những quyển sách ghi chép bằng văn tự Akhar Bini hay Huruh Jawi vẫn còn được lưu giữ và bảo quản rất cận thận bởi các giáo sĩ acar thuộc cộng đồng người Chăm Bini

[4] Imam Ngói là vị chức sắc Awal (Bà ni), giữ chức vụ Imam Pak pluh (họ tên trong khai sinh là Văn Công Thắng, sinh năm 1941).

[5] Các giới tăng lữ, tu sĩ dùng để ghi chép các nghi thức nghi lễ trong tôn giáo.

[6] Trong các sách báo xuất bản ở Việt nam thường hay gọi là người Chăm Bàni.

[7] Trong các sách báo xuất bản ở Việt nam thường hay gọi là người Chăm Islam.

và các tín đồ Islam trong cộng đồng người Chăm Birau.

Các quyển sách ghi chép bằng các văn tự *akhar thrah*, *akhar bini* hay *huruh jawi* thường có kích thước không đều nhau và ngay cả về độ dày mỏng của các quyển sách và tập văn bản cũng không đồng nhất. Với loại văn bản viết trên lá buông thì kích thước thay đổi từ 40 x 105 mm đến 30 x 416 mm. Văn bản viết trên giấy mỏng thì có kích thước từ 225 x 225 mm đến 115 x 190 mm. Còn văn bản viết trên giấy dày thì có khổ từ 230 x 250 mm đến 110 x 160 mm… Nhưng tính trung bình giữa tập mỏng nhất và tập dày nhất thì có thể ước lượng mỗi tập văn bản trung bình khoảng từ 50 đến 100 trang.

Xuất xứ của các văn bản bằng văn tự Chăm cũng khá là đặc biệt. Hầu như chỉ ghi tên làng của người chép lại mà thôi, ở phía sau không có một ký hiệu nào để cho chúng ta có thông tin để lần tìm về tác giả cuả các tư liệu văn bản này. Do đó, khó có thể cho phép chúng ta thiết lập một bảng lịch Chăm tương ứng với dương lịch một cách đáng tin cậy. Ngay cả việc dựa trên tình trạng của lá buông hoặc giấy của chúng để nhận định đánh giá văn bản xưa nhất hay ít xưa hơn là một công việc không phải dễ dàng. Vì, tất cả những tư liệu trên không sử dụng phương pháp bảo quản đồng nhất. Hoặc như cho phép căn cứ vào kiểu chữ viết để suy đoán về thời gian tồn tại của văn bản thì chúng ta có thể nghĩ rằng, những văn bản viết theo kiểu chữ Chăm vào giai đoạn trung đại xưa hơn những văn bản viết theo kiểu chữ Chăm hiện đại. Nhưng chẳng bao giờ cho phép chúng ta khẳng định một cách chắc chắn được. Bởi vì, một số tăng lữ và các giáo sĩ người Chăm ở miền Trung Việt Nam sao chép lại các văn bản trên rất cẩn thận và trung thành với kiểu chữ viết cổ một cách rất là thành kính.

Thường mỗi một văn bản được sao chép bởi nhiều người khác nhau, mà mỗi người thì lại viết theo cách riêng của mình. Để giải quyết vấn đề trên, cũng cần nên có môn học về lĩnh vực này.

3. Tình hình bảo tồn các tư liệu văn bản bằng văn tự Chăm

3.1. Thực trạng bảo tồn văn tự akhar thrah ở trong các gia đình tăng lữ, giáo sĩ Chăm

Số lượng văn bản viết bằng văn tự *akhar thrah* đa phần được lưu giữ ở trong các gia đình tăng lữ, giáo sĩ người Chăm, nó mang ý nghĩa như một bảo bối và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Các văn bản này được sao chép rất cẩn thận khi cá nhân này trở thành thành viên của tầng lớp chức sắc. Vì vậy, hầu hết số lượng văn bản viết bằng văn tự *akhar thrah* được bảo quản rất tốt và xem như là gia bảo, là hình ảnh tiền bối trên con đường hành nghề và tu luyện của mình.

Trước đây, số lượng văn bản viết bằng văn tự *akhar thrah* lưu giữ ở trong các gia đình chức sắc Chăm đều được bọc bằng vải, hoặc để trong rương làm bằng mây hoặc gỗ. Nhân tố nắng mưa ít làm tác hại. Thông dụng hơn cả là chúng được giữ trong những chiếc giỏ mây tre (aciét) treo dưới trần nhà. Những cuốn sách thông dụng được sử dụng hàng ngày như những cẩm nang được xếp ngay ngắn trên *Kla*

tapuk (giá sách) gần *danaok Po Gru* (bàn thờ tổ).

Theo tục lệ của người Chăm, hàng năm thường thực hiện nghi thức kiểm tra gọi là *Pambang akhar* (báo cáo với với tổ tiên và bậc tiền bối) và *Pahuor akhar* (làm trong sạch chữ). Nhưng ngày nay, nhiều chức sắc không còn hưởng bổng lộc từ ruộng đất của gia đình, dòng họ, làng xã, đền tháp, thánh đường nên họ buộc phải tập trung thời gian và sức lực để mưu sinh nuôi sống gia đình, không còn thời gian để luyện tập kinh kệ và chăm sóc các tập sách cổ do tổ tiên để lại.

3.2. Thực trạng lưu giữ văn tự akhar thrah ở trong các gia nhân sĩ, trí thức Chăm

Trước đây, khá nhiều đội ngũ nhân sĩ, trí thức Chăm quan tâm đến lịch sử, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán, nên thường chú trọng đến việc tìm hiểu văn hoá cộng đồng mình qua các văn bản hay thư tịch viết bằng *akhar thrah*. Do đó, ở trong các gia đình nhân sĩ, trí thức Chăm thường có ý thức lưu trữ và bảo tồn khá tốt những văn bản viết bằng văn tự *akhar thrah*. Nhưng ngày nay, những lớp thế hệ trên đang lần lượt ra đi và không còn nhiều. Vì vậy, những văn bản hay thư tịch bằng văn tự *akhar thrah* không được thế hệ sau quan tâm đúng mức như trước đây nữa. Từ sự vô tâm của các thành viên trong gia đình thuộc thế hệ ngày nay đã đẩy những văn bản hay thư tịch bằng văn tự *akhar thrah* của người Chăm đến sự huỷ hoại, hư hao, mất mát ngày càng trầm trọng hơn.

3.3. Thực trạng lưu giữ các văn bản viết bằng văn tự akhar thrah ở trong các Thư viện Trung tâm Nghiên cứu và Trường học:

Vào năm 1969, sau một thời gian dài không một ai tiếp tục quan tâm đến việc nghiên cứu và sưu tầm văn bản *akhar thrah* của người Chăm, Trung tâm Lịch sử và Văn minh Bán đảo Đông Dương bắt đầu kiểm kê lại tư liệu Chăm ở trong các kho lưu trữ của các thư viện Pháp cho thấy nơi đây lưu giữ các văn bản bằng *akhar thrah* với số lượng rất đáng kể, gồm có tất cả là 347 tập [28].

Sau năm 1969, ở Phan Rang tỉnh Ninh Thuận hình thành Trung Tâm Nghiên Cứu Văn Hoá Chăm, do một học giả người Pháp G. Moussay sáng lập ra. Trong thời gian hoạt động, nhờ có sự cộng tác của các trí thức Chăm, Trung tâm này đã thu thập được một số văn bản viết tay bằng *akhar thrah*. Nhưng từ sau năm 1975, những văn bản này phần lớn đã được chuyển sang Pháp, một số còn lại hầu như ít ai quan tâm đến nên đã bị thất lạc khá nhiều.

Theo thống kê của Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Chăm, ở đây lưu trữ khoảng chừng 3.000 trang photocopy (khoảng 95 cuốn), 550 cuộn phim trắng đen 336 cuốn băng (khoảng chừng 336 cuốn, tương ứng với 20.000 trang), 12 cuốn tập văn bản gốc của người Raglai và 7 tập văn bản gốc viết trên lá buông.

Những năm gần đây, Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã tiến hành nghiên cứu và sưu tầm văn tự *akhar thrah* của người Chăm do Toyota Foundation tài trợ. Chương trình này đã được thực hiện từ tháng 12/1998 đến tháng 12/2002. Qua chương trình này, họ đã sưu tập được trên 500 tập với

khoảng 10.000 trang viết tay với nhiều kích cở khác nhau [29].

Qua cuộc khảo sát của một số gia đình người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận trong thời gian vừa qua của Cục Lưu Trữ Nhà Nước và Đoàn Chuyên gia Nhật Bản thuộc Trung Tâm Tu Bổ và Phục Chế Giấy Tokyo từ ngày 7-9/2/2001 cho thấy tình hình văn bản cổ ở trong các gia đình người Chăm hiện nay đang ở trong tình trạng báo động về sự huỷ hoại và mất mát.

4. Thực trạng truyền dạy *akhar thrah* của người Chăm hiện nay

Trước năm 1975, văn tự *akhar thrah* chủ yếu được truyền dạy cho thế trẻ bởi các tăng lữ, tu sĩ, chức sắc hay các bô lão. Do đó, phương pháp dạy học chủ yếu theo phương pháp truyền thống. Sau năm 1975, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam, văn tự *akhar thrah* được tổ chức dạy cho các em học sinh ở cấp bậc tiểu học.

Để đáp ứng chương trình giảng dạy chữ Chăm ở các trường tiểu học, tỉnh Thuận Hải (nay tách thành hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận) thành lập Ban biên soạn chữ Chăm, cơ quan đặt tại tỉnh Ninh Thuận ngày nay. Đến nay, Ban biên soạn chữ Chăm đã biên soạn nhiều giáo trình tiếng Chăm, từ lớp 1 đến lớp 5. Đây là giáo trình chính thức được giảng dạy chữ Chăm ở trong Trường Tiểu học hiện nay.

Kết quả của chương trình giảng dạy chữ Chăm đã giúp các thế hệ trẻ người Chăm có điều kiện thuận lợi tiếp cận *akhar thrah*. Nhưng, sau 5 năm theo học chữ Chăm ở bậc tiểu học, các em học sinh Chăm không đọc được *akhar thrah* do cha ông họ để lại. Có nghĩa là không có triển vọng bảo tồn và phát huy di sản văn hóa truyền thống dân tộc của chính họ.

Lý do chính dẫn đến thực trạng giảng dạy *akhar thrah* theo giáo trình của Ban biên soạn sách chữ Chăm là:

Thứ nhất, mục tiêu biên soạn giáo trình không nhằm mục đích giảng dạy *akhar thrah* do cha ông của người Chăm để lại.

Thứ hai, người soạn thảo giáo trình tự ý biến đổi hệ thống cấu trúc văn tự *akhar thrah* cách riêng của mình.

Thứ ba, hội đồng thẩm định sách giáo khoa dạy chữ Chăm chưa am hiểu một cách sâu sắc về *akhar thrah* của người Chăm.

Chính lý do nêu trên đã làm cho *akhar thrah* không còn cơ hội phát huy giá trị nó. Đào tạo một thế hệ trẻ đoạn tuyệt với sự tiếp nối thế hệ cha ông. Đây là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm cản trở việc bảo tồn *akhar thrah* nói riêng, di sản văn hóa Chăm nói chung.

Hiện nay, nơi cộng đồng người Chăm sống tập trung đông hơn cả chỉ còn ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Chính vì vậy, ở đây vẫn còn bảo lưu nhiều giá trị văn hoá của cha ông để lại như hệ thống lễ tục, lễ hội, điệu múa, âm nhạc, kiến trúc, kinh kệ, luật tục, phong tục, tập quán và các dòng văn học dân gian… Những giá trị văn hoá này không chỉ vẫn còn thực hiện phổ biến ở trong đời sống sinh hoạt của cộng đồng mà còn được ghi chép lại ở trong các văn bản thư tịch cổ đang được lưu giữ ở trong các gia đình người Chăm ngày nay.

Để đáp ứng tình hình trên, Trung tâm Bảo trợ Sinh viên Dân tộc Thiểu số và Chi hội Dân tộc

Chăm thuộc Hội Dân tộc học Thành phố Hồ Chí Minh đã mở một lớp học tiếng Chăm cho các sinh viên có quan tâm và yêu thích văn hóa Chăm[8]. Lớp học dự kiến mở một lớp khoảng 30 học viên, nhưng hiện nay số lượng sinh viên đăng ký theo học 84 người[9]. Trong đó, đa phần là sinh viên Chăm và sinh viên Nhân học. Điều này, chứng tỏ nhu cầu học tiếng Chăm của sinh viên Chăm nói chung, sinh viên khoa Nhân học nói riêng là có thực.

5. Tình hình khai thác thư tịch cổ trong việc nghiên cứu người Chăm ở Việt Nam

Từ sau năm 1975 cho đến nay, việc nghiên cứu văn hóa tộc người Chăm ngày càng được nhiều người quan tâm và đã xuất bản một số quyển sách về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, ngôn ngữ, văn học liên quan đến tộc người Chăm. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: Nghệ thuật múa Chăm của Ngọc Canh, 1982; Mỹ Sơn trong lịch sử nghệ thuật Chàm, 1988; Văn hóa Chăm của Phan Xuân Biên – Phân An – Phan Văn Dốp, 1991; Văn hóa Chămpa của Ngô Văn Doanh, 1994; Truyền thuyết về các tháp Chăm của Bố Xuân Hổ, 1995; Ngữ pháp tiếng Chăm của Bùi Khánh Thế, 1996; Văn học Chăm II của Inrasara, 1996; Lễ hội Rija Nưgar của người Chăm của Ngô Văn Doanh, 1998; Lễ hội người của người Chăm của Văn Món, 2003; Lịch sử Vương quốc Champa của Lương Ninh, 2004; Đời sống Văn hóa Xã hội người Chăm Thành phố Hồ Chí Minh của Phú Văn Hẳn (chủ biên), 2005; Tín ngưỡng, tôn giáo trong cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận của Hoàng Minh Đô (chủ biên), 2006; Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận – Ninh Thuận hiện nay của Nguyễn Hồng Dương, 2007.

Đặc biệt bên cạnh các công trình nêu trên, cũng không ít sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của khoa Nhân học, Văn hóa học, Đông Phương học đã chọn đề tài văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, ngôn ngữ, văn học liên quan đến tộc người Chăm để làm khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ. Đây là một số đề tài nghiên cứu về tộc người Chăm: Tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ của Phan Văn Dốp, 1993; Nghề thủ công cổ truyền của người Chăm ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ của Võ Công Nguyện, 1996; Ảnh hưởng của tôn giáo đối với tín ngưỡng của người Chăm ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ của Nguyễn Đức Toàn, 2002; Gia đình và hôn nhân của người Chăm ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ của Bá Trung Phụ, 1996; Hoa văn thổ cẩm của người Chăm, Luận án Tiến sĩ của Trần Ngọc Khánh, 2003; Nghi lễ vòng đời của người Chăm Bàlamôn ở Ninh Thuận, Luận án Tiến sĩ của Phan Quốc Anh, 2003; Tín ngưỡng dân gian của người Chăm Bàlamôn ở Ninh Thuận và Bình Thuận, Luận án Tiến sĩ của Vương Hoàng Trù, 2003; Lễ nghi nông nghiệp trong văn hoá truyền thống của người Chăm ở Nam Trung Bộ, Luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Xuân Lý, 2004; Ảnh hưởng của Hồi giáo đối với đời sống của đồng bào Chăm ở Bình Thuận hiện nay, Luận văn

[8] Tại Đại học Mở, do chương trình tài trợ
[9] Lớp học tiếng Chăm khai giảng vào ngày 19/9/2010 tại Trường Đại học Mở, 97 Võ Văn Tần, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Thạc sĩ của Nguyễn Thị Tuyết Vân, 2004; Họ và tên của cộng đồng người Chăm Islam ở Nam Bộ Đinh Thị Hoà, Luận văn Thạc sĩ của 2004; Ảnh hưởng của tín ngưỡng, tôn giáo đối với đời sống tinh thần người Chăm Ninh Thuận hiện nay - Thực trạng và giải pháp, Luận văn Thạc sĩ của Đồng Văn Dinh, 2005; Vai trò phụ nữ Chăm trong đời sống gia đình ở Tỉnh Ninh Thuận, Luận văn Thạc sĩ của Đạo Thị Thanh Hương, 2006; Văn hoá tổ chức cộng đồng của người Chăm ở Nam Bộ, Luận văn Thạc sĩ của Võ Thị Mỹ, 2008; Hoạt động du lịch đối với lễ hội truyền thống của người Chăm ở Ninh Thuận, Luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Thanh Hải, 2009; Văn hoá mẫu hệ Chăm Nguyễn Thị Diễm Phương, 2009; Vai trò của tôn giáo trong giáo dục ở cộng đồng Chăm Islam thành phố Hồ Chí Minh, Luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Thị Thu Thuỷ, 2009; Vai trò trí thức Chăm trong phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh Bình Thuận, Luận văn Thạc sĩ của Thanh Thị Minh Hiền, 2010.

Mặc dầu có khá nhiều công trình và đề tài nghiên cứu về người Chăm, nhưng khi điểm qua một số công trình nghiên cứu tiêu biểu vừa nêu trên cho thấy hầu như rất ít các công trình nghiên cứu này khai thác nguồn tư liệu trực tiếp từ các văn bản thư tịch Chăm hiện còn đang lưu giữ trong các gia đình người Chăm hiện nay ở Việt Nam. Do hạn chế về nguồn tư liệu gốc bằng văn tự Chăm nên không có cứ liệu để kiểm chứng độ chuẩn xác khi tham khảo các nguồn tài liệu khác. Ngoài ra, nếu không thông thạo tiếng địa phương ở địa bàn nghiên cứu nói chung hay tiếng Chăm nói riêng thì cũng gây trở ngại khá lớn trong quá trình thu thập thông tin qua các cuộc phỏng vấn. Trên thực tế hiện nay, những người nghiên cứu thường hay sử dụng tiếng Việt để giao tiếp và thực hiện các cuộc phỏng vấn đối với các thông tín viên ở tại địa bàn nghiên cứu. Điều này dễ bị ngộ nhận, sai lệch và thiếu chân thực khi phiên dịch, giải nghĩa hay diễn đạt theo tiếng Việt [4]. Qua các kinh nghiệm của các nhà dân tộc học và nhân học cho thấy, độ tin cậy của dữ liệu thu thập trên thực tế tùy thuộc vào việc thành thạo tiếng địa phương hay không[4].

Trong chương trình đào tạo của Khoa Nhân học từ trước đến nay hầu như ít quan tâm đến việc trang bị những kiến thức cần thiết về ngôn ngữ nói và viết cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh trước khi thực hiện đề tài nghiên cứu liên quan đến dân tộc thiểu số. Hơn nữa, chương trình đào tạo cũng không đòi hỏi sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh cần phải thông thạo ngôn ngữ nói và viết của cộng đồng mà mình chọn làm đối tượng nghiên cứu [4].

Nhìn chung, mảng trống lớn nhất hiện nay chưa được khai thác đúng mức, nếu không muốn nói đang còn thiếu vắng khá nhiều, trong việc nghiên cứu về văn hoá Chăm và văn minh Champa là tư liệu thư tịch bằng tiếng Chăm. Theo chúng tôi được biết còn khá nhiều văn bản thư tịch Chăm hiện đang còn lưu giữ ở trong các gia đình người Chăm và một số lưu giữ ở trong các gia đình người Raglai và người Churu.

6. Kết luận

Tư liệu văn bản thư tịch cổ là di sản vô giá, nơi đó chứa những thông tin của tiền nhân,

những thông điệp từ quá khứ. Những tư liệu này chỉ mất đi chứ không thể sản sinh thêm. Đặc biệt, nó có vai trò rất quan trọng trong đời sống tinh thần của người Chăm hiện nay. Nó không những thể hiện tư duy mà còn thể hiện bản sắc văn hoá của một dân tộc. Một khối lượng lớn những tư liệu thư tịch cổ và hiện nay đang lưu giữ trong các làng Chăm đang ở trong tình trạng báo động, nhiều văn bản qúy giá đã và đang bị hủy hoại bởi môi trường, khí hậu, côn trùng, mối mọt, chiến tranh, thời gian và con người.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do ngày nay ít còn ai quan tâm, kể cả những nhà nghiên cứu văn hóa tộc người Chăm với lý do là không biết đọc. Đây là nguồn tài liệu vô cùng qúy giá không chỉ đối với việc nghiên cứu lịch sử – văn hoá của dân tộc Chăm mà còn là những nguồn tư liệu qúy để các nhà khoa học tìm hiểu về lịch sử và quá trình giao lưu văn hóa giữa các tộc người ở Việt Nam và Đông Nam Á. Nếu không sớm đặt vấn đề để khai thác nguồn tư liệu này thì không bao lâu chúng ta khó có cơ hội để khôi phục và bảo tồn.

Để bảo tồn tư liệu văn bản một cách bền vững cần nên có chương trình đào tạo phương pháp khai thác các tư liệu văn bản viết bằng ngôn ngữ địa phương nói chung, văn bản thư tịch Chăm, Khmer hay Thái nói riêng.

Chuyển các tư liệu bằng văn bản ghi trên các chất liệu như bia đá, giấy, vải, da… sang CD-ROOM để bảo quản, khai thác phục vụ cho việc nghiên cứu về sau.

Xét về phương pháp tiến hành điền dã dân tộc học, việc đầu tiên cần nên cân nhắc là khả năng am hiểu tiếng nói và chữ viết của một cộng đồng mà nhà dân tộc học sẽ tiếp xúc, trao đổi, phỏng vấn và được xem là kỷ năng của một người quan sát tham dự.

Đòi hỏi sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh cần nên thông thạo ngôn ngữ nói và viết của cộng đồng mà mình chọn làm đối tượng nghiên cứu. Việc thành thạo tiếng địa phương phải được xem như là một trong những điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ của sinh viên, học viên hay nghiên cứu sinh tương tự như cách đào tạo Nhân học ở các nước khu vực và quốc tế. Từ đó chúng ta mới có thể hội nhập và đưa ngành Nhân học Việt Nam phát triển.

THE ISSUES OF SPOKEN LANGUAGE AND WRITING SYSTEM OF ETHNIC MINORITIES IN VIETNAM IN ANTHROPOLOGY TRAINING AND RESEARCH (The case of ancient written materials of the Cham)

Thanh Phan

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *The Cham in Vietnam have possessed a writing system for ages. Basing on Sanskrit and Arabian characters, they created many different characters to record issues related to their history, culture, religion, custom, and so on. As a result, in the late 19th and early 20th centuries, foreign researchers doing research on their history and civilization paid close attention to reading and exploring the Cham's ancient written materials. However, in Vietnam, seldom is there any scholar, particularly in anthropology and ethnology, being interested in this issue. This is in fact a barrier to Vietnamese anthropologists and ethnologists who attempt to scientifically and intensively study on the Cham culture. This paper presents the current situation of exploring the Cham's ancient written materials in Vietnam in order to propose some solutions for the training of the Cham language in particular, and of ethnic minority languages in general for the sake of anthropology training and research in Vietnam.*

Keywords: *training, language, ethnicity, minority, anthropology.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Aymonier E., A. Cabaton, 1906. *Dictionnaire Cam – Francais,* Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp xuất bản.

[2]. Phan Quốc Anh, 2003. *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Bàlamôn ở Ninh Thuận, Nghi lễ vịng đời của người Chăm Blamơn ở Ninh Thuận*, Luận án Tiến sĩ, Lịch sử văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

[3]. Bergaigne A., 1887. *Deux inscriptions sanskristes relative au Tchampa trouvées par E. Aymonier dans le Khanh Hoa,* Comptes – rendus des Séances de l'Académie des Inscriptions et Belles – Lettres XV, pp. 305 -306.

[4]. Bernard H. R., 2007. *Các phương pháp nghiên cứu trong nhân học – Tiếp cận định tính và định lượng (Bản dịch sang tiếng Việt), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.*

[5]. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp, 1991. *Văn hoá Chăm,* Nxb. Khoa học Xã hội, 392 trang.

[6]. Crawnford J., 1852. *A grammar and Dictionary of the Malay language,* Vol. 2, London.

[7]. Collins J., 1991. Chamic, Malay and Acehnese: The Malay World and the

Malayic Languages, trong *Le Campa et Le Monde Malais*, Paris, tr. 108 – 121.

[8]. *Công tác lưu trữ Việt Nam*, 1987. Cục Lưu trữ Nhà nước xuất bản, Hà Nội.

[9]. Ngô Văn Doanh, 1994. *Văn hóa Chămpa*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[10]. Nguyễn Hồng Dương, 2007. *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận – Ninh Thuận hiện nay*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[11]. Hoàng Minh Đô (chủ biên), 2006. *Tín ngưỡng, tôn giáo trong cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận*, Nhà xuất bản Lý luận, Hà Nội.

[12]. Ferdinand de Saussure, 1973. *Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 399 trang.

[13]. Graham Thurgood, 1999. *From Ancient Cham to Modern Dialects - Two thousand years of language contact and change*, University of Hawai'i Press, American, 407 pages.

[14]. Phú Văn Hẳn, 2002. *Cơ cấu ngữ âm và chữ viết tiếng Chăm Việt Nam và tiếng Melayu Malaysia*, LAST, Bộ Giáo Dục Đào Tạo.

[15]. Phú Văn Hẳn (chủ biên), 2005. *Đời sống Văn hóa Xã hội người Chăm Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Văn Hóa Dân Tộc.

[16]. Bố Xuân Hổ, 1995. *Truyền thuyết về các tháp Chăm*, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[17]. 1996 Inrasara, 1996. *Văn học Chăm II, trường ca*, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[18]. Lafont P.-B., Po Dharma, Nara Vija, 1997. *Catalogue des manuscripts Cam des bibliothèques Francaises*, Volume CXIV, EFEO, Paris, 261 pages.

[19]. Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu, 1997. *Văn hoá các dân tộc thiểu số ơe Việt Nam*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 222 trang.

[20]. Maspéro G., 1928. *Le Royaume de Champa*, Bruxelles, Brill, Paris.

[21]. Mousay G., 2006. Grammaire de la langue Cam, Missions Étrangères đe Paris, Les Indes Savantes, Paris

[22]. Sakaya , 2003. *Lễ hội người của người Chăm*, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

[23]. Lương Ninh, 2004. *Lịch sử Vương quốc Champa*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[24]. Thành Phần, 1996. *Tổ chức tôn giáo và xã hội truyền thống của người Chăm ở vùng Phan Rang*, Tạp san Khoa học, Đại Học Tổng Hợp Tp. HCM, số 1/1996, tr. 165 – 172.

[25]. Thành Phần, 2000. *Bước đầu tìm hiểu kỹ thuật làm giấy của người Raglai*, bài báo cáo nghiên cứu khoa học tại Hội nghị khoa học Quốc tế về Văn hoá và ngôn ngữ Raglai, Tp. Hồ Chí Minh.

[26]. Thành Phần, 2001a. *Khảo sát kỹ thuật làm giấy của người Raglai ở huyện Ninh Phước, huyện Bác Ái và văn bản cổ Chăm ở huyện Ninh Hải tỉnh Ninh Thuận*, Trung Tâm Bảo Quản và Phục Chế Giấy Tokyo, Nhật Bản, 2/2001.

[27]. Thành Phần, 2001b. *Preservation of Manuscript of the Minority Area in Vietnam* at the International Conference on Preservation of Archives in the Tropical Climates, in Jakarta, Indonesia on November 5 – 8, 2001.

[28]. Thành Phần, 2002. *Một số văn bản của dân tộc Chăm hiện lưu trữ tại Pháp*, Tạp chí Xưa & Nay, số 128, tháng 11/2002, tr. 21 – 23.

[29]. Thành Phần, 2007. *Danh mục thư tịch Chăm ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

[30]. Bá Trung Phụ, 1996, *Gia đình và hôn nhân và của người Chăm ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Chuyên ngành Dân tộc học, TP. Hồ Chí Minh.

[31]. Trần Kỳ Phương, 1988. *Mỹ Sơn trong lịch sử nghệ thuật* Chàm, Nhà xuất bản Đà Nẵng.

[32]. Po Dharma, 1981. *Complément au catalogue des manuscripts Cam des bibliothèques Françaises*, Publication de l'École Françaises d'Étrême-Orient, Paris.

[33]. Po Dharma, G. Moussay, Abdul Karim, 1998. *Akayet Dowa Mano*, Koleksi Manuskrip Melayu Campa, No1, Perpustakaan Negara Malaysia, EFEO, Kuala Lumpua.

[34]. Po Dharma, G. Moussay, Abdul Karim, 1997. *Akayet Inra Patra*, Koleksi Manuskrip Melayu Campa, No1, Perpustakaan Negara Malaysia, EFEO, Kuala Lumpua, 189 pages.

[35]. Po Dharma, 1987. *Le Panduranga (Campa) 1802 – 1835*, EFEO, Paris, 203 p. (bản dịch tiếng Việt của Ông Nguyễn Văn Tỷ).

[36]. René Teygeler, 2001. *Preservation of Archives in Tropical Climates - An annotated bibliography*, Jakarta, Indonesia, 328 pages.

[37]. Nguyễn Văn Thắng, 2002. *Lưu trữ học đại cương*, tài liệu lưu hành nội bộ, Tp. Hồ Chí Minh, 83 trang.

[38]. Bùi Khánh Thế, Thành Phần, Inrasara, 2000. *Từ các nguyên cảo đến ngôn ngữ nói hiện đại - vấn đề chữ viết Chăm*, bài báo cáo nghiên cứu khoa học tại Hội nghị khoa học Quốc tế lần thứ năm về các ngôn ngữ Châu A, Đại Học Quốc Gia Tp. HCM, 16 – 17/11/2000.

[39]. Bùi Khánh Thế (chủ biên), 1995. *Từ điển Chăm – Việt*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.

[40]. Bùi Khánh Thế, 1996. *Ngữ pháp tiếng Chăm*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 185 trang.

[41]. Nguyễn Tuấn Triết, 2001. *Lịch sử phát triển xã hội các tộc người Mã Lai-Đa Đảo Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 220 trang.